

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH Năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

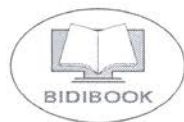
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định theo Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 3503000141 ngày 02 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2016 với mã số doanh nghiệp 4100259437.

Công ty là đơn vị thành viên của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

Ngày 25/12/2009, Công ty đã niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là BDB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là 29/01/2010

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 11.264.740.000đồng tương ứng: 1.126.474 cổ phiếu.

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH**
- Tên tiếng Anh: Binh Dinh Book and Equipment Joint Stock Company
- Tên viết tắt: **BIDIBOOK**
- Địa chỉ: 219 Nguyễn Lữ, P. Ngô Mây, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Điện thoại: 0256.3522645 – 0256.3522453
- Fax: 0256.3522853
- Email : **bidisabico@vnn.vn**
- Website: **<http://www.sachthietbibinhdin.com.vn/>**
- Logo:



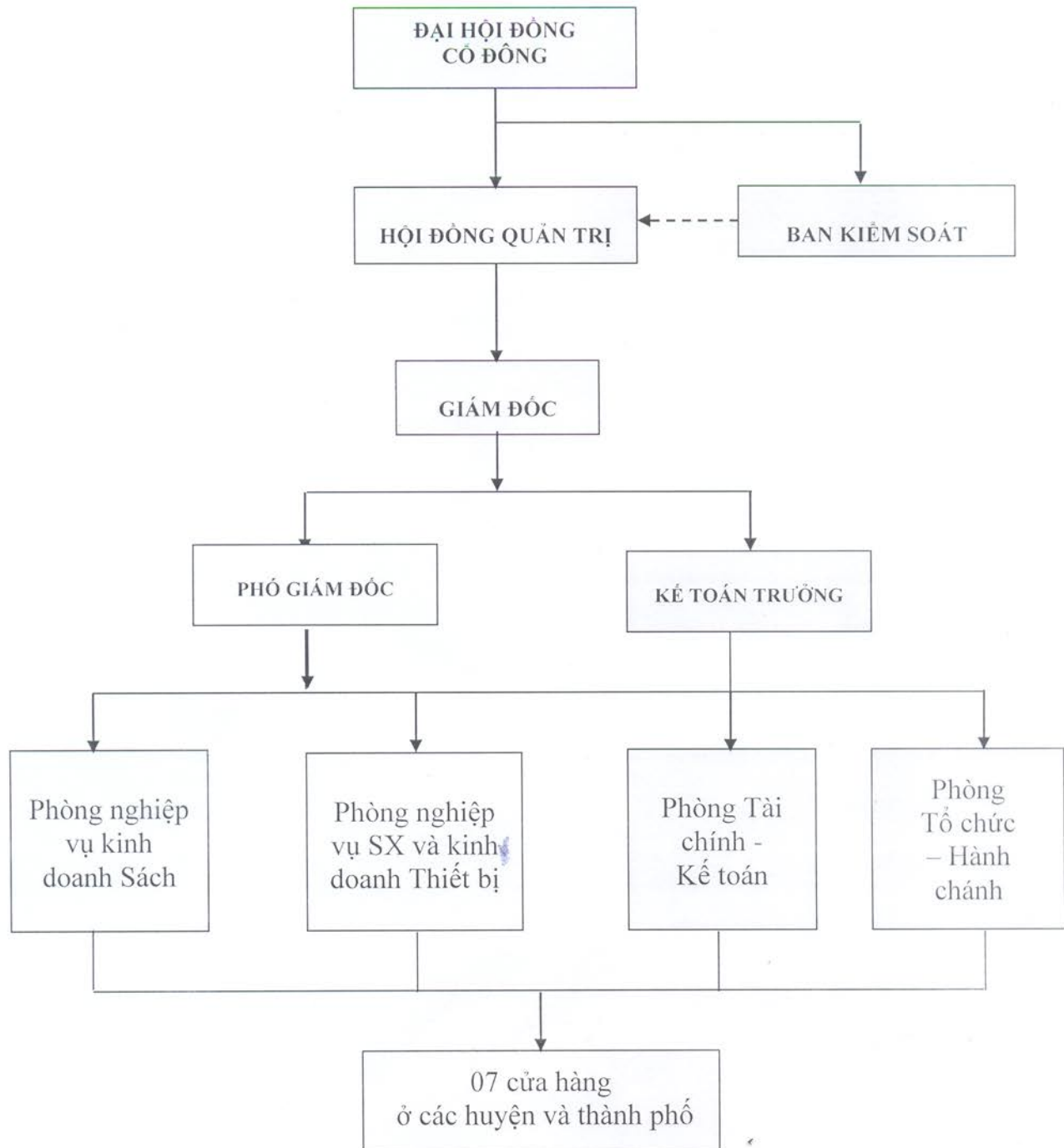
BIDIBOOK

+ Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hoá phẩm, vật phẩm văn hoá; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa ;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- In lụa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lập trình máy vi tính (Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học);
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán bao bì các loại);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật

- Trụ sở chính của Công ty có diện tích gần 2.200m² tọa lạc tại thành phố Quy Nhơn – trung tâm tỉnh lỵ, Công ty có 8 cửa hàng bán sỉ – lẻ nằm tại trung tâm thành phố và phân bố đều tại trung tâm các huyện/thị xã của Tỉnh .

- Cơ cấu tổ chức của công ty :



- + Đại hội Đồng cổ đông : là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- + Hội đồng quản trị : Gồm có 05 người.
- + Ban Kiểm soát : Gồm có 03 người.
- + Ban Giám đốc và Kế toán trưởng : Ban Giám đốc Công ty có 2 người (1 Giám đốc và 1 Phó Giám đốc) và 1 Kế toán trưởng.
- + Cơ cấu Công ty gồm :
 - 04 phòng chức năng : Phòng kinh doanh Sách, Phòng SX - Kinh doanh Thiết bị, phòng Tài chính – Kế toán và phòng Tổ chức – Hành chính;
 - 07 cửa hàng được phân bố đều các huyện và thành phố

Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định là đơn vị hậu cần của ngành giáo dục, lấy kinh doanh làm phương tiện để đạt mục đích là lợi nhuận. Không ngừng mở rộng và phát triển các ngành nghề, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của ngành giáo dục và của xã hội, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng cường và đầu tư thích đáng về mọi mặt cho hoạt động tiếp thị để chiếm lĩnh thị trường, nâng cao doanh thu, thu nhập;
- Bằng nhiều biện pháp, mở rộng hệ thống bán lẻ, nhà sách;
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh, tận dụng những lợi thế sẵn có của Công ty nhằm tăng doanh thu, thu nhập.
- Tiếp tục cơ cấu lại vốn kinh doanh theo hướng giảm tỷ trọng tài sản cố định;

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Kết quả hoạt động SXKD trong năm

Năm 2018, nền kinh tế nước ta tiếp tục ổn định. Sản xuất trong nước có nhiều cải thiện, tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua; lạm phát tiếp tục được kiểm soát. Tuy nhiên, vẫn còn không ít khó khăn; sự cạnh tranh của thị trường sách trong tỉnh có nhiều diễn biến phức tạp, chiết khấu bán sách vẫn còn cao hơn Thỏa ước của NXB Giáo dục VN. Sách Tiếng Anh mới, sách BT toán, Tiếng Việt cấp tiểu học và sách tin học mới bị in lậu và phát hành tràn lan trên thị trường với chiết khấu cao.

Nhận thức được tình hình trên, năm 2018 toàn thể CBCNV đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ, công tác của mình, tìm mọi biện pháp để vượt qua và đạt được kết quả như sau:

Chi tiêu	TH 2017 (1.000đ)	KH 2018 (1.000đ)	TH 2018 (1.000đ)	So Sánh (%)	
				TH 2017	KH 2018
1- Tổng doanh thu	43.273.975	46.000.000	44.207.525	102,16	96,10
Trong đó : Doanh thu về bán hàng hóa, DV	42.746.055	46.000.000	43.727.683	102,30	95,06
2- Tổng chi phí	42.312.789	44.800.000	43.311.588	102,36	96,67
Trong đó: Giá vốn hàng bán	38.016.513	40.342.746	39.291.847	103,35	97,40
3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần (%)	88,94	87,7	89,87	101,05	102,5
4- Lợi nhuận trước thuế	961.186	1.200.000	895.938	93,21	74,66

- Năm 2018, Ban giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tổng doanh thu đạt 96,10% so với kế hoạch, nhưng vượt 2,16% so với năm trước. Tuy nhiên, về lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 93,21% so với cùng kỳ. Nguyên nhân: Năm 2018 Công ty một số đối tác cắt giảm, không còn áp dụng chiết khấu thanh toán.

- Công ty đã tiếp tục liên doanh, liên kết hoặc cho thuê một số mặt bằng để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và cơ sở vật chất.

- Ngoài ra, trong năm qua kinh tế cả nước nói chung, tỉnh Bình Định nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn, nên ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân trong tỉnh; thị trường sách, lịch trên địa bàn tỉnh chịu sự cạnh tranh rất gay gắt và luôn trong tình trạng bất ổn, chiết khấu bán sách luôn cao hơn so với Thỏa ước..., nên Công ty đã đề ra các biện pháp, cơ chế để phù hợp với thị trường, để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, cố gắng giữ vững thị phần nên chiết khấu bán hàng vẫn còn cao.

- Tuy một số chi phí vẫn còn cao như tiền thuê đất, khấu hao, bảo hiểm xã hội..., nhưng nhờ sự cố gắng tiết kiệm nên chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn giảm so cùng kỳ năm trước.

- Tuy vậy, năm qua công ty vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục đó là: Công tác tiếp thị chưa thực hiện thường xuyên và linh hoạt, còn thụ động, chưa tích cực tuyên truyền, giới thiệu hàng cho các đối tác phát hành và người tiêu dùng. Chưa khai thác triệt để lợi thế của doanh nghiệp. Cơ cấu vốn còn bất hợp lý, bất động sản còn chiếm tỷ trọng lớn.

2. Tổ chức và nhân sự

- Ban điều hành của Công ty gồm 03 người:

Bao gồm: 01 Giám đốc, 01 Phó giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Cụ thể như sau:

- Ông Phạm Đình Thuấn - Giám đốc Công ty
- Ông Đỗ Hữu Long - Phó giám đốc Công ty

- Bà Diệp Cẩm Nhung - Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

* Ông : Phạm Đình Thuần - Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT – Giám đốc công ty

Sinh ngày: 16 – 02 – 1964

Quê quán: Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định

Địa chỉ thường trú: 11/4 Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 14.500 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

* Ông : Đỗ Hữu Long – Chức vụ : Thành viên HĐQT – Phó GD Công ty

Sinh ngày: 04 – 06 – 1959

Quê quán: Nhơn Hạnh, An Nhơn , Bình Định

Địa chỉ thường trú: 15 Trần Nguyên Đán, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 16.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan

Vợ : Võ thị Ngọc Nga ; số lượng cổ phần sở hữu: 4.400 cổ phần

* Bà: Diệp Cẩm Nhung - Chức vụ : Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

Sinh ngày: 24 – 07 -1968

Quê quán: Xã Hoài Xuân, Hoài Nhơn, Bình Định

Địa chỉ: 216 Nguyễn Thị Định, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1.896 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

+ Tổng số công nhân viên của Công ty hiện có đến tại thời điểm 31/12/2018 là 32 người.

+ Chính sách đối với người lao động :

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương, thưởng trong toàn Công ty theo đúng quy định. Mức lương trả cho người lao động được xây dựng trên cơ sở mức lương tối thiểu trên địa bàn tỉnh. Mức thu nhập bình quân năm 2018 là 4.640.000đ/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

+ Trong năm 2018, công ty thực hiện mua mới 01 xe ô tô 4 chỗ (nguyên giá 749 triệu đồng), và thanh lý 01 xe ô tô 4 chỗ cũ thu về 58 triệu đồng.

+ Về khai thác cơ sở vật chất, công ty đã và đang thực hiện việc cho thuê, liên doanh liên kết và kế hoạch đầu tư như sau:

+ Thực hiện liên kết kinh doanh để cho thuê mặt bằng đối với các cơ sở hiện có tại 120 Lê Lợi và 236 Phan Bội Châu để tạo thêm nguồn thu cho công ty thay vì mở cửa hàng chuyên doanh sách giáo dục như trước đây.

+ Đối với cơ sở 414 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn được mua bằng vốn doanh nghiệp, với giá trị đầu tư vốn lớn (chiếm 40%/VĐL), nhưng hiện nay việc khai thác cơ sở này chưa mang lại hiệu quả tương xứng với vốn đầu tư.

4. Tình hình tài chính

* Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	TH 2017 (1.000đ)	TH 2018 (1.000đ)	% tăng giảm
1- Tổng giá trị tài sản	15.140.166	15.888.172	4,94
2- Doanh thu thuần	42.746.055	43.721.390	2,28
3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	848.165	596.890	-29,63
4- Lợi nhuận khác	113.021	299.049	164,60
5- Lợi nhuận trước thuế	961.186	895.938	-6,79
4- Lợi nhuận sau thuế	759.662	707.042	-6,93
5- Tỷ lệ trả cổ tức	7%	6%	-14,29

* Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

	Năm 2017	Năm 2018
+ Khả năng thanh toán :		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	4,82	3,67
- Hệ số T.toán nhanh [(TSNH – hàng tồn kho)/Nợ N.hạn]	2,69	1,87
* Năng lực hoạt động		
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2,82	2,75
- Vòng quay hàng tồn kho	7,65	8,79

* Cơ cấu tài sản

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,71	0,70
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	0,29	0,30

*** Cơ cấu nguồn vốn**

+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,16	0,20
+ Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	0,84	0,71
+ Khả năng sinh lời :	Năm 2017	Năm 2018
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần :	0,02	0,02
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,06
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,045
- Hệ số lợi nhuận từ HĐ kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,014

*** Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 08/03/2019	Số Cổ phần	Giá trị (1000đ)	Tỷ lệ
1- Cổ đông là Nhà nước (NXBGDVN)	452.523	4.525.230	40,17
2 – Cổ đông khác	673.951	6.739.510	59,83
- Tổ chức	309.950	3.099.500	27,52
- Cá nhân	364.001	3.640.010	32,31
3- Cổ đông nội bộ	32.896	328.960	2,92
- HĐQT, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	32.396	323.960	2,88
- Ban Kiểm soát	500	5.000	0,04

* Tổng số cổ phiếu đến thời điểm 31/12/2018 : 1.126.474 cổ phiếu. Trong đó

- Tổng số cổ phiếu thường : 1.126.474 cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu ưu đãi : Không

* Tổng số trái phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2018 : Không (theo từng loại trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

* Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2018 là: 1.126.474 cổ phiếu.

* Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : Không

* Cổ tức : cổ tức công bố chia cho cổ đông là: 6%/năm, tương đương với số tiền là : 675.884.400đ

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2018, mặc dù kinh tế nước ta phát triển mạnh, lãi vay ngân hàng ổn định nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; thị trường sách trong tỉnh diễn biến phức tạp, một số tên sách in lậu phát hành tràn lan trên thị trường. Trước tình hình trên, nhờ sự chỉ đạo sâu sát và kịp thời của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng và Hội đồng quản trị Công ty Ban Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên đã cố gắng khắc phục khó khăn, tìm nhiều giải pháp để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	TH 2017 (1.000đ)	KH 2018 (1.000đ)	TH 2018 (1.000đ)	So Sánh (%)	
				TH 2017	KH 2018
1- Tổng doanh thu	43.273.975	46.000.000	44.207.525	102,16	96,10
Trong đó : Doanh thu về bán hàng hóa, DV	42.746.055	46.000.000	43.727.683	102,30	95,06
2- Tổng chi phí	42.312.789	44.800.000	43.500.483	102,81	97,10
Trong đó: Giá vốn hàng bán	38.016.513	40.342.746	39.291.847	103,35	97,40
3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần	88,94	87,7	89,87	101,05	102,47
4- Lợi nhuận trước thuế	961.186	1.200.000	895.938	93,21	74,66
5- Lợi nhuận sau thuế	759.662	960.000	707.042	90,07	73,65

- Năm 2018, Ban giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chủ động tìm biện pháp mở rộng địa bàn tiêu thụ. Thực hiện tốt chính sách bán hàng thu tiền ngay có chiết khấu cao để chiếm lĩnh thị trường sách giáo khoa, thực hiện cơ chế giá bán văn phòng phẩm linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

- Năm qua, Công ty gặp rất nhiều khó khăn, nhất là Mảng Thiết bị Giáo dục, vì Nhà nước thực hiện chính sách mua sắm tập trung. Nhưng với sự cố gắng nên tổng doanh chỉ đạt 96,10% so kế hoạch, nhưng vượt 2,16% so với năm trước.

- Về lợi nhuận trước thuế: năm 2018 tuy chỉ đạt 76,66% so kế hoạch và 93,21% so với năm trước. Vì năm 2017, một số đối tác không còn áp dụng chiết khấu thanh toán trước hạn, nên khoảng này bị giảm sút trên 200 triệu đồng, nên đã ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh.

- Về công tác thu hồi nợ: Đã theo dõi, đôn đốc thu hồi công nợ kịp thời, nên không có nợ quá hạn hoặc nợ khó đòi phát sinh. Số dư nợ phải thu của khách hàng tại thời điểm 31/12/2018 tuy có tăng so với cùng kỳ, nhưng đều có nguyên nhân chính đáng và hợp lý.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ;
- Bảo đảm cung cấp sách và thiết bị cho nhu cầu trong tỉnh đầy đủ, kịp thời;
- Sử dụng và khai thác mặt bằng của Công ty có hiệu quả hơn;
- Trang bị và sử dụng phần mềm quản lý mới đạt hiệu quả.

2. Tình hình tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT NĂM 2018:**

TÀI SẢN	Số cuối năm (31/12/2018)	Số đầu năm (31/12/2017)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	11.084.326.099	10.706.706.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.066.465.128	1.167.164.109
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.500.000.000	3.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.063.862.098	1.524.336.762
VI. Hàng tồn kho	5.441.244.827	4.505.475.322
V. Tài sản ngắn hạn khác	12.754.046	9.730.681
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	4.803.845.699	4.433.459.499
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	4.752.946.082	4.278.358.719
Trong đó:		
1- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình	1.361.095.011	805.778.044
+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình	5.733.878.150	5.345.069.059
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(4.372.783.139)	(4.539.291.015)
2 – Giá trị còn lại TSCĐ vô hình	3.391.851.071	3.472.580.675
+ Nguyên giá TSCĐ vô hình	3.988.215.400	3.988.215.400
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(596.364.329)	(515.634.725)
3 – Chi phí XDCCB dở dang		
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
IV. Tài sản dài hạn khác		155.100.780
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	15.888.171.798	15.140.166.373
C. NỢ PHẢI TRẢ	3.190.620.356	2.361.125.521
I. Nợ ngắn hạn	3.022.620.356	2.221.125.521
II. Nợ dài hạn	168.000.000	140.000.000

TÀI SẢN	Số cuối năm (31/12/2018)	Số đầu năm (31/12/2017)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.697.551.442	12.779.040.852
I. Vốn đầu tư chủ sở hữu	11.264.740.000	11.264.740.000
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	15.888.171.798	15.140.166.373

- Tình hình tài sản:

Tổng tài sản cuối năm biến động không đáng kể so với đầu năm (tăng 4,9%). Trong đó hàng tồn kho cuối năm tăng 20,78%, Nợ phải thu tăng 35,37% và tài sản cố định tăng 11,08%, nhưng đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 28,57% nên tổng tài sản tăng 4,9%. Tình hình trên cho thấy trong năm doanh nghiệp có mua sắm mới tài sản cố định và việc quản trị hàng tồn kho và các khoản phải thu chưa tốt.

- Tình hình nguồn vốn

Tương tự như tài sản, nguồn vốn đầu năm so cuối năm cũng không biến động nhiều (tăng 4,9%). Trong đó nợ phải trả cuối năm 2018 tăng 35,1%; vốn chủ sở hữu giảm 0,64%. Nguyên nhân: Lợi nhuận chưa phân phối 2018 giảm và việc nhập hàng hóa vào thời điểm cuối năm tăng lên nên làm cho nợ phải trả tăng.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

+Phương hướng chung.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ trọng bán lẻ, hạ thấp chiết khấu và giảm tỷ trọng bán sỉ;

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ tồn kho, giảm tỷ lệ mức dư nợ, nhất là cửa hàng công ty;

- Chính trang, sửa chữa lại một số cửa hàng bán lẻ khang trang để phục vụ tốt nhu cầu mua sắm hàng hóa cho người tiêu dùng.

- Tiếp tục tái cơ cấu vốn để giảm tỷ trọng vốn cố định. Tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng nhà 414 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, khoán hoặc bán một số cửa hàng có hiệu quả kém.

- Tiếp tục khai thác triệt để lợi thế về mặt bằng Công ty tại 219 Nguyễn Lữ TP. Quy Nhơn như: cho thuê; liên doanh, liên kết đầu tư xây dựng trường mẫu giáo hoặc các dịch vụ khác mà Nhà nước không cấm;

- Cơ cấu lại bộ máy, tinh giảm lao động để nâng cao năng suất và thu nhập.

+ Các chỉ tiêu kế hoạch 2018.

STT	Chỉ tiêu	TH 2018 (1.000đ)	KH 2019 (1.000đ)
01	Tổng doanh thu .	44.207.525	45.000.000
06	Lợi nhuận	895.938	1.200.000
07	Cổ tức (%)	6	7

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2018, Ban giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty đã rất cố gắng phấn đấu để thực hiện nhiệm vụ SXKD. Do nhiều nguyên nhân ảnh hưởng nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty chưa đạt kế hoạch đã đề ra như sách in lậu phát hành trên thị trường nhiều với chiết khấu cao. Tuy nhiên, Ban Điều hành đã cố gắng khắc phục khó khăn, tìm nhiều biện pháp để khắc phục, tận dụng và khai thác tốt lợi thế mặt bằng nên doanh thu vượt và lợi nhuận tương đương so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm Ban Giám đốc Công ty cũng đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ của Công ty, không để ra sai phạm trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách đầy đủ, thực hiện tốt chính sách cho người lao động, đảm bảo việc làm và ổn định đời sống cho người lao động trong doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác phúc lợi xã hội.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục giữ vững mức độ tăng trưởng doanh thu ; nâng cao tỷ trọng bán lẻ,
- Giữ vững các khách hàng lớn, tìm kiếm các khách hàng có tính ổn định, lâu dài. Giữ vững vai trò chủ đạo trong việc cung ứng Sách và Thiết bị trên địa bàn tỉnh.
- Nghiên cứu cơ chế khoán một số cửa hàng để tăng doanh thu, thu nhập; giảm rủi ro.
- Tiếp tục tái cơ cấu vốn để giảm tỷ trọng vốn cố định. Tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng nhà 414 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn; giao, khoán hoặc bán một số cửa hàng có hiệu quả kém để thu hồi vốn đầu tư làm việc khác.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng hoặc liên doanh, liên kết đầu tư hoặc tự đầu tư nhằm bảo đảm sử dụng lâu dài đối với địa điểm 236 Phan Bội Châu và 219 Nguyễn Lữ thành phố Quy Nhơn.
- Cơ cấu lại tổ chức Công ty nhằm bảo đảm hoạt động có hiệu quả hơn.

V. Quản trị Công ty

+ Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên. Trong đó có 02 thành viên là không tham gia trực tiếp điều hành. Hai thành viên này đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty CP. Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng, 03 thành viên tham gia trực tiếp điều hành công ty.

+ Số lượng cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	Chức vụ	Cuối năm	
		Số CP	Tỷ lệ %
1	Thành viên	450.523	40,00
2	Chủ tịch	1.000	0,09
3	Thành viên	15.500	1,38
4	Thành viên	16.000	1,42
5	Thành viên	1.896	0,17

+ Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên : Không

+ Hoạt động của HĐQT .

Hội đồng quản trị công ty luôn tuân thủ các quy định nội bộ và Điều lệ Công ty, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của Ban điều hành .

+ HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo định kỳ (mỗi quý một lần). Các cuộc họp đều diễn ra nghiêm túc, đúng quy định, đầy đủ thành phần với nội dung thiết thực. Các nội dung đưa ra bàn bạc đều được thống nhất và biểu quyết với tỷ lệ đồng thuận cao và đã trở thành nghị quyết của HĐQT. Điều này cho thấy trong HĐQT có sự thống nhất cao. Cụ thể Năm 2018 HĐQT tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ và 05 cuộc họp đột xuất với nội dung như sau.

+ **Lần thứ nhất:** Họp HĐQT thường kỳ Quý I năm 2018 vào ngày 05/01/2018.

Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018; giao chỉ tiêu kế hoạch Quý I năm 2018. Dự kiến thời gian tổ chức Tổng kết năm 2018 và Hội nghị người lao động năm 2019;

+ **Lần thứ hai:** Họp HĐQT bất thường vào ngày 22/01/2018

- Thống nhất các nội dung chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 như: phân công chuẩn bị các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành; chốt danh sách cổ đông, thời gian, địa điểm và các tài liệu liên quan.. để tổ chức Đại hội.

- Thống nhất ủy quyền cho Giám đốc sử dụng cơ sở vật của Công ty để thế chấp ngân hàng vay vốn phục vụ SXKD.

+ **Lần thứ ba:** Họp HĐQT thường kỳ Quý II năm 2018 vào ngày 04/4/2018.

- Báo cáo kết quả SXKD Quý I và dự kiến kế hoạch SXKD Quý II năm 2018;

+ **Lần thứ tư:** Họp HĐQT bất thường vào ngày 21/4/2018.

Thông qua việc mua mới xe ô tô 4 chỗ ngồi thay thế xe cũ đã hỏng.

+ **Lần thứ năm:** Họp HĐQT bất thường vào ngày 25/5/2018:

Bàn việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2018.

+ **Lần thứ sáu:** Họp HĐQT thường kỳ Quý III vào ngày 09/7/2018. Báo cáo kết quả SXKD Quý II, 6 tháng đầu năm và giao chỉ tiêu kế hoạch quý III năm 2018.

+ **Lần thứ bảy:** Họp HĐQT thường kỳ Quý IV năm 2018 vào ngày 12/10/2018: Báo cáo kết quả SXKD Quý III, 9 tháng đầu năm 2018 và giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD Quý IV năm 2018.

b- Về công tác giám sát đối với Ban Điều hành và cán bộ quản lý.

Ngoài việc tiến hành kiểm tra giám sát theo chức trách của từng thành viên HĐQT, việc phân công 03 thành viên HĐQT trực tiếp tham gia điều hành quản lý Công ty, giữ các chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành BĐH và các cán bộ quản lý. Do đó, các thành viên HĐQT đã nắm sâu sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông, của HĐQT. Kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh các mặt hoạt động của BĐH và cán bộ quản lý khi có biểu hiện sai lệch.

Do vậy, các mặt hoạt động của BĐH và cán bộ quản lý đều đi đúng hướng, vì lợi ích chung của Công ty, của Cổ đông, tuân thủ Nghị quyết của Đại hội Cổ đông, của HĐQT và đúng pháp luật, chưa có trường hợp nào sai trái, mang tính chất vụ lợi.

+ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành của Công ty là hai thành viên đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hai thành viên này tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT được tổ chức và rất có trách nhiệm trong việc thảo luận, phát biểu ý kiến của mình về vấn đề mà cuộc họp bàn bạc.

Ngoài ra, các thành viên trên còn tích cực và thường xuyên, nắm bắt các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để có đề xuất phát huy hoặc chấn chỉnh một cách kịp thời

+ Ban Kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên. Trong đó không có thành viên nào kiêm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.

+ Hoạt động của Ban kiểm soát :

- Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cần trọng trong quản lý, điều hành Công ty.

- Trên cơ sở nắm chắc tình hình thực tế, hàng quý Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.

- Hàng tháng, quý trực tiếp tham gia kiểm kê quỹ tiền mặt, tiền gửi, kho hàng hóa.

- Hàng quý, năm Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định và có ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh. xz

+ Thù lao của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát: Tổng tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 là: 62.400.000đ

+ Lương của Ban Giám đốc : Tổng tiền lương của Ban Giám đốc nhận trong năm 2018 là : 345.600.000đ, Trong đó:

Giám đốc:	144.000.000đ
Phó giám đốc:	100.800.000đ
Kế toán trưởng:	100.800.000đ

+ Tiền thưởng : Được hưởng theo Quy chế khen thưởng chung của Công ty.

+ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không

+ Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: không

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số: 248/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 05/03/2018 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc: Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên: Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng

ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Đỗ Thị Phương Thủy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2014-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NĂM 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.084.326.099	10.706.706.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.066.465.128	1.167.164.109
1. Tiền	111	5	1.066.465.128	1.167.164.109
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.500.000.000	3.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.500.000.000	3.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.063.862.098	1.524.336.762
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.946.285.420	1.377.207.105
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	13.846.787	13.846.778
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	209.861.777	240.717.224
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(106.131.886)	(107.434.345)
IV. Hàng tồn kho	140	11	5.441.244.827	4.505.475.322
1. Hàng tồn kho	141		5.661.534.482	4.732.731.654
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(220.289.655)	(227.256.332)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.754.046	9.730.681
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	12.754.046	9.730.681
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.803.845.699	4.433.459.499
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.752.946.082	4.278.358.719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.361.095.011	805.778.044
- Nguyên giá	222		5.733.878.150	5.345.069.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.372.783.139)	(4.539.291.015)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	3.391.851.071	3.472.580.675
- Nguyên giá	228		3.988.215.400	3.988.215.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(596.364.329)	(515.634.725)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		50.899.617	155.100.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	50.899.617	155.100.780
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.888.171.798	15.140.166.373

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.190.620.356	2.361.125.521
I. Nợ ngắn hạn	310		3.022.620.356	2.221.125.521
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.344.107.168	1.503.188.647
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	32.851.000	100.954.613
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	147.014.865	144.760.932
4. Phải trả người lao động	314		274.226.280	254.579.575
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	30.068.182	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	153.911.758	119.800.651
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		40.441.103	97.841.103
II. Nợ dài hạn	330		168.000.000	140.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	168.000.000	140.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.697.551.442	12.779.040.852
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.697.551.442	12.779.040.852
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	725.769.052	725.769.052
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	707.042.390	788.531.800
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	104.836.830
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		707.042.390	683.694.970
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.888.171.798	15.140.166.373

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	43.727.683.464	42.753.187.878
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	6.293.725	7.132.956
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		43.721.389.739	42.746.054.922
4. Giá vốn hàng bán	11	24	39.291.847.372	38.016.512.924
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		4.429.542.367	4.729.541.998
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	133.255.445	391.464.527
7. Chi phí tài chính	22	26	71.014.132	115.449.857
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>71.014.132</i>	<i>115.449.857</i>
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	1.757.235.624	1.975.610.827
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	2.137.658.365	2.181.780.803
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		596.889.691	848.165.038
11. Thu nhập khác	31	28	346.585.669	136.455.390
12. Chi phí khác	32	29	47.537.360	23.434.633
13. Lợi nhuận khác	40		299.048.309	113.020.757
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		895.938.000	961.185.795
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	188.895.610	201.523.639
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		707.042.390	759.662.156
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	628	641
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	628	641

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		42.982.891.413	42.319.761.980
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(41.138.962.575)	(39.436.543.610)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.821.341.267)	(2.074.730.500)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	26	(71.014.132)	(115.449.857)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(203.163.122)	(130.228.907)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.888.320.901	1.892.102.263
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.414.855.275)	(1.431.235.483)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		221.875.943	1.023.675.886
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(748.809.091)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		58.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(3.500.000.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	4.500.000.000	5.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,25	145.574.967	184.559.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		454.765.876	(815.440.919)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		9.074.990.182	13.509.800.251
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.074.990.182)	(13.509.800.251)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19,20.e	(777.340.800)	(910.270.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(777.340.800)	(910.270.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(100.698.981)	(702.035.733)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.167.164.109	1.869.199.842
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.066.465.128	1.167.164.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28/02/2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3503000141 ngày 02/07/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này được điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2016), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất trong tự;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- In ấn. Chi tiết: In lụa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lập trình máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán bao bì các loại;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phung giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phung thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Phương tiện vận tải	8 - 10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);

- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn

vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;

- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị đồ dùng dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	323.496.712	140.946.266
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	742.968.416	1.026.217.843
Cộng	1.066.465.128	1.167.164.109

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng (*)	2.500.000.000	2.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	2.500.000.000	2.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2018, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Bình Định. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Lê Chương Thảo	657.206.425	-
Phan Hoàng Tâm	227.363.010	-
Trần Thị Phương Thảo	210.548.984	244.469.800
Các đối tượng khác	851.167.001	1.132.737.305
Cộng	1.946.285.420	1.377.207.105

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Văn phòng Luật sư Võ Luật	10.000.000	10.000.000
Các đối tượng khác	3.846.787	3.846.778
Cộng	13.846.787	13.846.778

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Công đoàn Công ty	189.869.000	-	201.728.000	(21.728.000)
Lãi dự thu	17.552.777	-	36.322.221	-
Phải thu khác	2.440.000	-	2.667.003	-
Cộng	209.861.777	-	240.717.224	(21.728.000)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	106.131.886	107.434.345
- Từ 3 năm trở lên	84.309.845	85.706.345
- Các khoản khác	21.822.041	21.728.000
Cộng	106.131.886	107.434.345

b. Nợ xấu

	31/12/2018			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng	124.107.149	21.822.041		
- Nguyễn Thị Liễu	57.050.662	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phùng Thị Nhàn	23.412.405	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Nguyễn Thị Diệu	43.644.082	21.822.041	Từ 1-2 năm	Thu hồi chậm
Trả trước cho người bán	3.846.778	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	127.953.927	21.822.041		

	01/01/2018			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng	81.859.567	-		
- Nguyễn Thị Liễu	58.447.162	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phùng Thị Nhanh	23.412.405	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Trả trước cho người bán	3.846.778	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Phải thu khác (công đoàn Công ty)	201.728.000	180.000.000		Thu hồi chậm
Cộng	287.434.345	180.000.000		

11. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	238.614.713	(20.552.830)	151.405.327	(20.552.830)
Công cụ, dụng cụ	4.105.171	-	3.923.172	-
Thành phẩm	40.028.700	-	50.155.259	-
Hàng hóa	5.378.785.898	(199.736.825)	4.527.247.896	(206.703.502)
Cộng	5.661.534.482	(220.289.655)	4.732.731.654	(227.256.332)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018 là 225.863.250 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch giảm giá để thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2018.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí bảo hiểm	12.754.046	7.740.000
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	1.990.681
Cộng	12.754.046	9.730.681

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	34.404.056	110.026.546
Chi phí sửa chữa văn phòng	12.443.561	45.074.234
Phí sử dụng đường bộ	4.052.000	-
Cộng	50.899.617	155.100.780

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	4.506.759.059	763.310.000	75.000.000	5.345.069.059
Mua sắm trong kỳ	-	748.809.091	-	748.809.091
T/lý, nhượng bán	-	360.000.000	-	360.000.000
Số cuối kỳ	4.506.759.059	1.152.119.091	75.000.000	5.733.878.150
Khấu hao				
Số đầu kỳ	3.961.458.980	502.832.035	75.000.000	4.539.291.015
Khấu hao trong kỳ	105.637.905	87.854.219	-	193.492.124
T/lý, nhượng bán	-	360.000.000	-	360.000.000
Số cuối kỳ	4.067.096.885	230.686.254	75.000.000	4.372.783.139
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	545.300.079	260.477.965	-	805.778.044
Số cuối kỳ	439.662.174	921.432.837	-	1.361.095.011

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 92.111.247 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 2.540.552.011 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2018.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	3.988.215.400	3.988.215.400
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	3.988.215.400	3.988.215.400
Khấu hao		
Số đầu kỳ	515.634.725	515.634.725
Khấu hao trong kỳ	80.729.604	80.729.604
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	596.364.329	596.364.329
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	3.472.580.675	3.472.580.675
Số cuối kỳ	3.391.851.071	3.391.851.071

- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách An Nhơn có nguyên giá 187.048.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 08/03/2050.
- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Hoài Nhơn có nguyên giá 112.815.400 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 28/03/2051.
- Quyền sử dụng đất tại 414 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định có nguyên giá 3.688.352.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 23/12/2061.
- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2018.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Tây	379.947.816	7.488.768
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn hóa Bảo Long	301.621.099	250.300.499
Công ty TNHH In-SX-TM và DV Hưng Phát	290.755.456	225.142.956
Các đối tượng khác	1.371.782.797	1.020.256.424
Cộng	2.344.107.168	1.503.188.647

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư	207.696.298	188.741.554
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	102.411.917	53.534.417
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Chung Công ty đầu tư	110.081.711	69.517.223
Các Công ty khác	Chung Công ty đầu tư	48.073.642	50.196.992
Cộng		468.263.568	361.990.186

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Dương Thị Kiều Ny	30.000.000	-
Các đối tượng khác	2.851.000	100.954.613
Cộng	32.851.000	100.954.613

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	71.011.807	151.619.232	135.097.787	87.533.252
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.749.125	188.895.610	203.163.122	59.481.613
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.625.835	17.625.835	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	275.090.959	275.090.959	-
Thuế môn bài	-	12.000.000	12.000.000	-
Cộng	144.760.932	645.231.636	642.977.703	147.014.865

18. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2018	01/01/2018
Doanh thu cho thuê tài sản nhận trước	30.068.182	-
Cộng	30.068.182	-

19. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	11.549.015	8.544.651
Các khoản phải trả, phải nộp khác	142.362.743	111.256.000
- Cổ tức phải trả	20.670.000	9.479.000
- Phải trả khác	121.692.743	101.777.000
Cộng	153.911.758	119.800.651

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	168.000.000	140.000.000
Cộng	168.000.000	140.000.000

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	11.264.740.000	687.785.944	1.006.016.030	12.958.541.974
Tăng trong kỳ	-	37.983.108	759.662.156	797.645.264
Giảm trong kỳ	-	-	977.146.386	977.146.386
Số dư tại 31/12/2017	11.264.740.000	725.769.052	788.531.800	12.779.040.852
Số dư tại 01/01/2018	11.264.740.000	725.769.052	788.531.800	12.779.040.852
Tăng trong kỳ	-	-	707.042.390	707.042.390
Giảm trong kỳ	-	-	788.531.800	788.531.800
Số dư tại 31/12/2018	11.264.740.000	725.769.052	707.042.390	12.697.551.442

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.525.230.000	4.525.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.739.510.000	6.739.510.000
Cộng	11.264.740.000	11.264.740.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.126.474	1.126.474
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 05/04/2018 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 với tỷ lệ 7% vốn điều lệ (tương ứng 788.531.800 đồng). Theo đó, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2018.

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	788.531.800	1.006.016.030
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	707.042.390	759.662.156
Phân phối lợi nhuận	788.531.800	977.146.386
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	788.531.800	901.179.200
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	788.531.800	901.179.200
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	75.967.186
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	37.983.108
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	37.984.078
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	707.042.390	788.531.800

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHCD ngày 05/04/2018.

21. Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước là giá trị còn lại của các tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp, số tiền 8.252.589 đồng; trong đó, giá trị còn lại của gian cuối nhà làm việc tầng 3, số 120 Lê Lợi là 3.985.929 đồng và giá trị còn lại của cửa hàng Vân Canh là 4.266.660 đồng.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán sách	29.190.236.234	27.721.797.316
Doanh thu thiết bị giáo dục	13.334.686.621	13.231.804.105
Doanh thu khác (gỗ, mộc, cho thuê mặt bằng)	1.202.760.609	1.799.586.457
Cộng	43.727.683.464	42.753.187.878

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018	Năm 2017
Hàng bán bị trả lại	6.293.725	7.132.956
Cộng	6.293.725	7.132.956

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn bán sách	26.878.881.107	25.459.702.170
Giá vốn thiết bị giáo dục	12.121.819.853	11.635.965.451
Giá vốn khác (gỗ, mộc, cho thuê mặt bằng)	298.113.089	999.599.821
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.966.677)	(78.754.518)
Cộng	39.291.847.372	38.016.512.924

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	126.805.523	177.996.686
Chiết khấu thanh toán	6.449.922	213.467.841
Cộng	133.255.445	391.464.527

26. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	71.014.132	115.449.857
Cộng	71.014.132	115.449.857

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân công	1.334.326.244	1.441.777.111
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	94.073.000	118.603.933
Các khoản khác	328.836.380	415.229.783
Cộng	1.757.235.624	1.975.610.827

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân công	876.230.597	983.628.246
Chi phí thuê đất	240.214.814	222.213.259
Các khoản khác	1.021.212.954	975.939.298
Cộng	2.137.658.365	2.181.780.803

28. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Thu tiền điện, nước	40.820.905	38.030.671
Thu tiền hỗ trợ nhân viên bán hàng	100.833.200	72.000.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	58.000.000	-
Xử lý kiểm kê	23.113.844	12.071.917
Các khoản thu nhập khác	123.817.720	14.352.802
Cộng	346.585.669	136.455.390

29. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Xử lý kiểm kê	22.497.062	3.167.384
Phí quản lý niêm yết, phí chốt quyền	20.000.000	20.000.000
Các khoản chi phí khác	5.040.298	267.249
Cộng	47.537.360	23.434.633

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	895.938.000	961.185.795
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	48.540.052	46.432.401
- Điều chỉnh tăng	48.540.052	46.432.401
+ Chi phí niêm yết, phí chốt quyền	20.000.000	20.000.000
+ Phụ cấp Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	28.140.000	26.192.941
+ Phạt chậm nộp thuế	400.052	239.460
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	944.478.052	1.007.618.196
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	188.895.610	201.523.639
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	188.895.610	201.523.639
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

31. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	707.042.390	759.662.156
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(37.984.078)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	37.984.078
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	707.042.390	721.678.078
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.126.474	1.126.474
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	628	641

Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi...

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	185.585.532	263.081.254
Chi phí nhân công	2.215.536.841	2.433.155.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	274.221.728	250.249.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	374.031.295	274.614.480
Chi phí khác bằng tiền	1.134.807.582	980.571.449
Cộng	4.184.182.978	4.201.671.746

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là mua bán sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chủ yếu mua sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Tuy nhiên, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động, các hàng hóa thường tiêu thụ trong thời gian ngắn kể từ khi mua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các phòng giáo dục, các trường học trong Tỉnh Bình Định, các đại lý sách, các cửa hàng sách và bán lẻ sách tại các quầy. Với đặc thù chủ yếu là khách hàng thường xuyên và giao dịch với Công ty trong nhiều năm, tình hình thanh toán tiền hàng kịp thời, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.344.107.168	-	2.344.107.168
Phải trả khác	142.362.743	168.000.000	310.362.743
Cộng	2.486.469.911	168.000.000	2.654.469.911
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.503.188.647	-	1.503.188.647
Phải trả khác	111.256.000	140.000.000	251.256.000
Cộng	1.614.444.647	140.000.000	1.754.444.647

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.066.465.128	-	1.066.465.128
Đầu tư tài chính	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Phải thu khách hàng	1.844.000.312	-	1.844.000.312
Phải thu khác	19.992.777	-	19.992.777
Cộng	5.430.458.217	-	5.430.458.217
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.167.164.109	-	1.167.164.109
Đầu tư tài chính	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Phải thu khách hàng	1.295.347.538	-	1.295.347.538
Phải thu khác	38.989.224	-	38.989.224
Cộng	6.001.500.871	-	6.001.500.871

35. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua hàng	9.462.113.104	7.705.937.951
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Mua hàng	16.259.985.462	14.448.194.206
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Mua hàng	198.059.499	261.902.052
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Mua hàng	181.167.950	866.231.250

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2018	Năm 2017
Lương của Ban Giám đốc	277.200.000	285.600.000
Thưởng của Ban Giám đốc	7.600.000	7.150.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	62.400.000	55.200.000
Cộng	347.200.000	347.950.000

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.



GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Chuẩn